TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/6/2018
V/v "Tranh chấp Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**;
2. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 222/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 26/4/2018 cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày:

Qua mai mối anh và chị Nguyễn Thị Bích T tổ chức đám cưới năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Chung sống được hai mươi hai ngày thì mâu thuẫn do khó khăn

về kinh tế nên chị T gom hết vàng cưới, đồ đạc cá nhân về nhà cha mẹ của chị T ở. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Trần Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng đeo tay 02 chỉ vàng 24k, 01 chiếc kiềng 02 chỉ vàng 24k. Anh yêu cầu chia đôi.

- Về nợ chung: Không có.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, đơn xin xác nhận, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Bích T vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và rút yêu cầu chia tài sản chung đối với chị T. Chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn B có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T. Chị T có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn B yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị Bích T sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận anh B và chị T là vợ chồng.

[4] Về tài sản chung: Có 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng đeo tay 02 chỉ vàng 24k, 01 chiếc kiềng 02 chỉ vàng 24k. Anh B trình bày chị T đang giữ số tài sản này. Vào ngày 08/6/2018 và tại phiên tòa hôm nay anh B xin rút yêu cầu chia tài sản chung giữa anh và chị T. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh B.

[5] Về nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị Bích T là vợ chồng.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Văn B đối với chị Nguyễn Thị Bích T.

3. Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 1.020.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15549 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên hoàn lại cho anh B 720.000 đồng án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan